

REVISION FOF THE FIRST TERM TEST – ENGLISH 5

SCHOOL YEAR: 2021- 2022

**PRACTICE**

**Exercise 1: Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the rest**

1.	A. <u>seas</u> <b>i</b>	B. <u>weather</u> <b>e</b>	C. <u>weak</u> <b>i</b>	D. <u>teach</u> <b>i</b>
2.	A. <u>start</u> <b>a</b>	B. <u>arm</u> <b>a</b>	C. <u>bar</u> <b>a</b>	D. <u>warm</u> <b>o</b>
3.	A. <u>clock</u> <b>k</b>	B. <u>city</u> <b>s</b>	C. <u>class</u> <b>k</b>	D. <u>come</u> <b>k</b>
4.	A. <u>afternoon</u> <b>u</b>	B. <u>school</u> <b>u</b>	C. <u>classroom</u> <b>u</b>	D. <u>door</u> <b>o</b>
5.	A. <u>spring</u> <b>i</b>	B. <u>winter</u> <b>i</b>	C. <u>ride</u> <b>ai</b>	D. <u>fish</u> <b>i</b>
6.	A. <u>house</u> <b>h</b>	B. <u>hour</u> <b>x</b>	C. <u>horse</u> <b>h</b>	D. <u>hungry</u> <b>h</b>
7.	A. <u>usually</u> <b>y</b>	B. <u>easy</u> <b>y</b>	C. <u>Why</u> <b>ai</b>	D. <u>party</u> <b>y</b>
8.	A. <u>know</u> <b>x</b>	B. <u>black</u> <b>k</b>	C. <u>work</u> <b>k</b>	D. <u>book</u> <b>k</b>
9.	A. <u>ahead</u> <b>e</b>	B. <u>ocean</u> <b>ən</b>	C. <u>weather</u> <b>e</b>	D. <u>heavy</u> <b>e</b>
10.	A. <u>kind</u> <b>ai</b>	B. <u>ride</u> <b>ai</b>	C. <u>twice</u> <b>ai</b>	D. <u>fishing</u> <b>i</b>
11.	A. <u>always</u> <b>ei</b>	B. <u>face</u> <b>ei</b>	C. <u>have</u> <b>a</b>	D. <u>play</u> <b>ei</b>
12.	A. <u>like</u> <b>ai</b>	B. <u>film</u> <b>i</b>	C. <u>dinner</u> <b>i</b>	D. <u>evening</u> <b>i</b>
13.	A. <u>study</u> <b>a</b>	B. <u>up</u> <b>a</b>	C. <u>surf</u> <b>ɔ</b>	D. <u>bus</u> <b>a</b>
14.	A. <u>twice</u> <b>ai</b>	B. <u>ride</u> <b>ai</b>	C. <u>kind</u> <b>ai</b>	D. <u>fishing</u> <b>i</b>
15.	A. <u>come</u> <b>k</b>	B. <u>centre</u> <b>s</b>	C. <u>bicycle</u> <b>s</b>	D. <u>once</u> <b>s</b>
16.	A. <u>went</u> <b>e</b>	B. <u>get</u> <b>e</b>	C. <u>never</u> <b>ə</b>	D. <u>where</u> <b>e</b>
17.	A. <u>trip</u> <b>i</b>	B. <u>with</u> <b>i</b>	C. <u>did</u> <b>i</b>	D. <u>nice</u> <b>ai</b>
18.	A. <u>stay</u> <b>ei</b>	B. <u>play</u> <b>ei</b>	C. <u>bay</u> <b>ei</b>	D. <u>watch</u> <b>a</b>
19.	A. <u>early</u> <b>y</b>	B. <u>my</u> <b>ai</b>	C. <u>usually</u> <b>y</b>	D. <u>city</u> <b>y</b>
20.	A. <u>always</u> <b>ei</b>	B. <u>play</u> <b>ei</b>	C. <u>have</u> <b>a</b>	D. <u>face</u> <b>ei</b>

## Exercise 2: Choose the odd one out

1.	A. summer <b>mùa hè</b>	B. water <b>nước</b>	C. winter <b>mùa đông</b>	D. autumn <b>mùa thu</b>
2.	A. fish	B. tiger	C. lion	D. monkey
3.	A. years <b>nam/5</b>	B. subjects <b>môn học</b>	C. weeks <b>tuần</b>	D. months <b>tháng</b>
4.	A. doing	B. going	C. swimming	D. competition
5.	A. read <b>đọc</b>	B. write <b>viết</b>	C. native <b>bản địa</b>	D. speak <b>nói</b>
6.	A. reading	B. sing	C. cleaning	D. speaking
7.	A. Thursday <b>thứ 5</b>	B. November <b>T11</b>	C. December <b>T12</b>	D. February <b>tháng 2</b>
8.	A. am	B. is	C. was	D. are
9.	A. when <b>từ hỏi khi nào</b>	B. where <b>từ hỏi ở đâu</b>	C. week	D. why <b>từ hỏi tại sao</b>
10.	A. gentle <b>dịu dàng</b>	B. generous <b>hào phóng</b>	C. kind <b>tư tế</b>	D. character <b>nhân vật</b>
11.	A. Tam	B. Cam	C. Aladdin	D. Character
12.	A. hard-working	B. like	C. kind	D. gentle
13.	A. lesson <b>tiết học</b>	B. PE	C. IT	D. Art <b>mỹ thuật</b>
14.	A. How often <b>từ hỏi mức độ</b> như nào	B. What <b>từ hỏi cái gì</b>	C. Who <b>từ hỏi ai?</b>	D. usually <b>thường xuyên</b>
15.	A. second <b>lần thứ 2</b>	B. first <b>lần thứ nhất</b>	C. eight <b>8</b>	D. third <b>lần thứ 3</b>
16.	A. home <b>nhà</b>	B. beach <b>bãi biển</b>	C. mountain <b>núi</b>	D. where
17.	A. How often	B. What	C. Who	D. usually
18.	A. book <b>sách</b>	B. fairy tale <b>truyện cổ tích</b>	C. ghost story <b>truyện ma</b>	D. comic book <b>truyện tranh</b>
19.	A. reading	B. speaking	C. practise <b>luyện tập</b>	D. writing
20.	A. this weekend <b>tuần này</b>	B. tomorrow	C. explore	D. next month

## Exercise 3: Choose the correct answer

1.	His ..... is 54, Nguyen Trai Street.			
	A. village <b>làng quê</b>	B. address <b>địa chỉ</b>	C. house <b>nhà</b>	D. city <b>thành phố</b>
2.	I live ..... the third floor of this building. <b>floor: tầng</b> --> <b>ở tầng mấy: on the...floor</b>			
	A. on	B. in	C. at	D. to
3.	My grandparents live in a small ..... in the countryside. <b>miền quê</b>			
	A. floor	B. hometown <b>hometown</b>	C. ward <b>quận</b>	D. house
4.	She usually ....., combs her hair and goes to school. <b>She/he + Gets</b>			
	A. get dressed	B. gets dressed	C. got dress	D. got dressed
5.	We often stay at school and ..... homework in the afternoon. <b>we/you/they + do</b>			
	A. does	B. did	C. do	D. doing
6.	Last weekend I ..... to the zoo with my classmates. <b>last + went</b>			
	A. go	B. goes	C. going	D. went
7.	We went back to our hometown last summer holiday ..... car. <b>by + phương tiện (car/bus)</b>			
	A. by	B. to	C. with	D. of

didn't: chỉ quá khứ --> động từ phải thêm "ed"

8.	They didn't go on a picnic. They ..... at home and ..... TV.			
	A. stay- watched	B. stayed- watch	C. stayed- watched	D. stay- watch
9.	We ..... in the mountains next month. <small>next: chỉ tương lai --&gt; Will + be</small>			
	A. are	B. will are	C. will	D. will be
10.	I ..... a boat trip around Ha Long Bay tomorrow. <small>tomorrow: ngày mai --&gt; Will + take</small>			
	A. take	B. will take	C. took	D. takes
11.	Ha Noi is a big ..... in the north			
	A. street	B. city	C. town	D. lane
12.	There are two tall ..... in my street. <small>two: 2, chỉ số nhiều nên phải thêm "s" sau danh từ</small>			
	A. tower <small>tháp</small>	B. towers	C. town <small>thị trấn</small>	D. mountains <small>núi</small>
13.	Linda : Who do you live .....? <small>live with: sống với</small>			
	Mai : I live ..... my parents .			
	A. in – in	B. for – for	C. with- with	D. at - at
14.	Mai : Where do you live , Trung ? <small>sống ở căn hộ: live in Flat; ở tầng mây : on....floor; trong tòa tháp: of Tower</small>			
	Trung : I live ..... Flat 18 ..... the second floor..... Ha Noi Tower.			
	A. in - on – to	B. of - in – on	C. in - on – of	D. on - in - in
15.	How many ..... do you have today? <small>How many: bao nhiêu + danh từ thêm 's'</small>			
	A. a lesson	B. the lessons	C. lesson	D. lessons
16.	What lessons ..... you have today? <small>today: hôm nay --&gt; chỉ hiện tại nên dùng 'do you'</small>			
	A. did	B. does	C. do	D. are
17.	She practises writing by ..... emails to her foreign friends every day. <small>by + động từ thêm 'ing'</small>			
	A. write	B. to write	C. wrote	D. writing
18.	How do you ..... listening? <small>luyện nghe: practise listening</small> – I watch English cartoon on TV. <small>luyện đọc: practise reading</small>			
	A. practise	B. has	C. want	D. have
19.	She practises ..... by reading English short stories.			
	A. reading	B. read	C. reads	D. to read
20.	Peter: What are you reading? <small>câu đang đọc gì vậy? --&gt; thì câu trả lời: I + am + reading</small>			
	Linda: I ..... Conan.			
	A. is reading	B. I'm reading	C. am reading	D. are reading

#### Exercise 4: Find the mistake in each sentence. Tim lỗi sai

1. How much lessons do you have every day? Có bao nhiêu tiết học : how many + lessons

a. how much      b. do      c. lessons      d. every day

2. How do you learning English? ...do you + động từ không có 'ing'

a. learning      b. how      c. do      d. English

3. She learns English because she want to travel abroad. chủ ngữ là 'she/he' thì động từ phải thêm 's'

a. learns      b. because      c. to travel      d. want

4. They have English lesson four time a week four/five/six... + times: từ bốn trở lên thì phải thêm 's' vào sau từ 'time'

a. have      b. lesson      c. time      d. week

5. He wants to watch cartoons in TV. ở trên TV: on TV

a. wants      b. to watch      c. in      d. cartoons

6. Where will you be last weekend? - I'll be on the beach. Will viết tắt 'll, là dấu hiệu nhận biết thì tương lai đơn. Vậy nên phải dùng 'next weekend - tuần sau'.

a. will      b. last weekend      c. be      d. on

7. How many lesson do you have today? How many + danh từ thêm 's'

a. many      b. lesson      c. you      d. today

8. What do you learn vocabulary? - I write vocabulary and read aloud.

Học như thế nào --> How do ...learn...?

a. What      b. you      c. vocabulary      d. read aloud

9. What did you do at the party? - I have cakes and candies. did là dấu hiệu thì quá khứ đơn nên từ: have --> had

a. did      b. at      c. have      d. candies

10. We were in school yesterday. ở trường: at school

a. were      b. in      c. school      d. yesterday

### Exercise 5: Match A and B

Bella luyện viết như thế nào?

1. How does Bella practise writing?	A. I have five lessons today <span style="color:red">5 tiết</span>	1.
2. What's Snow White like? <span style="color:red">hỏi về tính cách?</span>	B. It will be on Monday <span style="color:red">thứ 2</span>	2.
3. When will Children's Day be? <span style="color:red">ngày Quốc tế thiếu nhi là khi nào?</span>	C. Bella writes emails to her friends	3.
4. Did you go on holiday? <span style="color:red">Câu đã đi nghỉ mát phải không?</span>	D. She is very kind	4.
5. How many lessons do you have today? <span style="color:red">Hỏi có bao nhiêu tiết học hôm nay?</span>	E. Yes, we went to the mountains <span style="color:red">núi</span>	5.
6. What's your city like? <span style="color:red">hỏi thành phố như nào: to/nhỏ/ôn ào...</span>	F. I went to Da Nang by train. <span style="color:red">tàu</span>	6.
7. How often do you go to the cinema? <span style="color:red">hỏi đi xem phim bao nhiêu lần 1 tuần/1 tháng/1 năm</span>	G. It's big and modern <span style="color:red">hiện đại</span>	7.
8. What time do you go to bed? <span style="color:red">hỏi mấy giờ đi ngủ?</span>	H. I usually go to bed at 10.30 p.m	8.
9. How did you get to Da Nang? <span style="color:red">hỏi đi đến Đà Nẵng bằng cách nào?</span>	I. Once a month <span style="color:red">1 lần 1 tháng</span>	9.
10. What will you have for dinner? <span style="color:red">hỏi sẽ ăn gì vào bữa tối?</span>	J. Bread and eggs <span style="color:red">bánh mì và trứng</span>	10.

### Exercise 6: Read and choose the best answer

Next: chỉ tuong lai nên phải có "will hoặc am/is/are going to" Mà chủ ngữ là: Tony and his friends; số nhiều nên + are going to

1. Tony and his friends (1) .....have a trip to Vietnam next summer. At first,

by car/by train/by plane: đi bằng ô tô/tàu/máy bay

they are going to Hanoi (2) .....plane and they are going to stay there in

two days. Then they are going to travel to Ha Long and Hue. They are going to visit a  
cụm từ: a lot of

(3) .....of places of interest and some primary schools in Hanoi. They are

Help students : giúp học sinh  
going to (4) .....students in the schools practice speaking English. Finally, they  
nuoc Anh

are going to fly back to England (5).....Hanoi. từ HN về Anh : fly back to England from Hanoi

1. A. is going	B. are to	C. are going to	D. had to
2. A. to	B. by	C. with	D. for
3. A. many	B. some	C. few	D. lot
4. A. help	B. visit	C. ask	D. go
5. A. to	B. from	C. for	D. on

2. Nam lives in Ho Chi Minh City, but his hometown is in Da Nang City in the Central  
tuần trước gia đình về quê thăm  
of VietNam. Last weekend, Nam's family went back to their hometown to visit his  
ông bà đi máy bay  
grandparents. They went to Da Nang by plane. From there, they went to his  
grandparents' house by taxi. The family were happy to see them. The following day,  
đi tối biển  
they went to My Khe Beach, swam in the sea and ate seafood. They came back home  
late in the evening.

T	F

1. Nam's hometown is Ho Chi Minh City.
2. His grandparents live in Da Nang City.
3. Nam's family went to his hometown last month.
4. They went there by plane and got to the grandparents' house by taxi.
5. They weren't on My Khe Beach the following day.

### Exercise 7: Reorder these words to make correct sentences

1. get/ the children/ presents/ going to/ are Chủ ngữ: The children + are going to + get ....

A. The children are going to get presents.

B. The children going to get presents are.

C. The children are get going to presents.

**2. went/ to/ My/ last/ month./ family/ the/ circus/** Chú ngữ: My family + went to....

A. My went to last month family the circus.

the circus: rạp xiếc  
last month: tháng trước

B. My family went to the circus last month.

C. My to the circus went family last month.

**3. a/ the/ Linda/ in/ room/ ghost/ story/ reading/ is**

Linda dang đọc truyện ma ở trong phòng . in the room: ở trong phòng/ is reading: dang đọc

A. Linda is reading a ghost story in the room.

B. Linda is in the room reading a ghost story.

C. Linda in the room reading a ghost story is.

**4. what/ main/ character/ is/ like/ the/ ?** Nhân vật chính tính cách? What + is + .....like?

main character: nhân vật chính

A. What character is the main like?

B. What is the main character like?

C. What is main the character like?

**5. the/ want/ to/ visit/ because/ I/ future/ in/ England**

want + to + động từ --> want to visit: muốn đến thăm trong tương lai: in the future

A. Because I want visit England in the future to.

B. Because I want to visit in England the future.

C. Because I want to visit England in the future.

**6. Maths/ My/ times/ class/ week/ has/ a/ lessons/ six/**

tiết toán: Maths lessons

sáu lần 1 tuần: six times a week

A. My class has Maths lessons six times a week.

B. My class has lessons Maths six times a week.

C. My class has lessons six times a week Maths.

**7. does/ How/ lessons/ she/ Thursday/ many/ have/ on/?**

How many + lessons + does + she/he + have + on .....?

A. How many does she have lessons on Thursday?

- B. How many lessons does she have on Thursday?
- C. How many have she does lessons on Thursday?

**8. always / homework / they / their / in / evening / the / do/.**

- A. They always do their homework in the evening. luôn luôn làm bài tập về nhà: always do their homework
- B. They always their homework do in the evening
- C. They do always their homework in the evening.

**9. school / now / you / are / at /?** bây giờ cậu có ở trường không? Are + you + at school + now?

- A. Are you at school now?
- B. Are you now at school?
- C. You are at school now?

**10. like / character / what's / main / the/ ?** Tính cách của nhân vật chính? --> What's + the main .....like?

- A. What's main the character like?
- B. What's the character main like?
- C. What's the main character like?